BUT VANG

Họ và tên : ……

Lớp: 4

BÀI TẬP THEO TUẦN

TUẦN 20

I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái trước kết quả đúng hoặc làm theo yêu cầu.

Câu 1: Phân số $\frac{5}{8}$ được đọc là:

A. Năm tám

B. Năm phần tám

C: Lăm mươi tám

D: Năm mươi tám

Câu 2: Phân số chỉ số ngôi sao được tô màu trong hình dưới đây là:

A. $\frac{3}{7}$

B. $\frac{3}{4}$

C. $\frac{4}{7}$

D. $\frac{4}{3}$

Câu 3: Phân số có tổng tử số và mẫu số bằng 10 và tử số bé hơn mẫu số là:

A. $\frac{3}{6}$ B. $\frac{4}{6}$ C. $\frac{6}{4}$ D. $\frac{5}{4}$

Câu 4: Phân số có hiệu giữa mẫu số và tử số bằng 5 là:

A. $\frac{4}{8}$ B. $\frac{4}{7}$ C. $\frac{4}{9}$ D. $\frac{4}{10}$

Câu 5: Trong các phân số $\frac{4}{10};\frac{16}{24};\frac{25}{15};\frac{75}{45};\frac{125}{75}$. Các phân số bằng $\frac{2}{5}$ là:

A. $\frac{4}{10}$ B. $\frac{16}{24};\frac{75}{45}$ C. $\frac{4}{6};\frac{16}{24}$ D. $\frac{75}{45};\frac{125}{75}$

Câu 6: Cho: $\frac{4}{10}=\frac{6}{...}$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 15 B. 10 C. 12 D. 18

Câu 7: Trong các phân số $\frac{4}{10};\frac{16}{24};\frac{25}{15};\frac{75}{45};\frac{125}{75}$. Phân số không bằng $\frac{5}{3}$ là:

A. $\frac{25}{15}$ B. $\frac{125}{75}$ C. $\frac{75}{45}$ D. $\frac{16}{24}$

Câu 8: Chọn câu đúng:

A. $\frac{6}{10}=\frac{6:2}{10:2}$ B. $\frac{6}{10}=\frac{6-2}{10-2}$ C. $\frac{6}{10}=\frac{6+2}{10+2}$ D. $\frac{6}{10}=\frac{6+4}{10}$

BUTVANG.VN

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Điền dấu (> ; < ; =) thích hợp vào chỗ chấm.

$\frac{9}{14}$.....1 $\frac{15}{15}$.....1 $\frac{31}{25}$.....1

$\frac{25}{25}$.....1 $\frac{2}{5}$.....1 $\frac{7}{5}$.....1

Bài 2. Viết mỗi phép chia sau dưới dạng phân số.

a) 2 : 9 =..... 4 : 11 =..... 6 : 32 =.....

b) 12 : 3 =..... 42 : 7 = ... 55 : 5 = ...

Bài 3. Viết số tự nhiên sau dưới dạng phân số có mẫu bằng 1.

a) 5 =..... 34 = ... 64 = ...

b) 46 = ... 100 = ... 87 = ...

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $\frac{7}{9} = \frac{7 \times 5}{9 \times 5} = \frac{....}{....}$ b) $\frac{9}{11} = \frac{....}{44}$

c) $\frac{15}{18} = \frac{5}{....}$ d) $\frac{4}{7} = \frac{....}{21} = \frac{20}{....}$

Bài 5. Tìm số tự nhiên *x*, biết:

a) $\frac{x}{7} = \frac{22}{77}$ b) $\frac{8}{24} = \frac{1}{x}$

....

....

Bài 6. Tìm một phân số có tổng tử số và mẫu số bằng 15. Tử số hơn mẫu số 3 đơn vị.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

==========

CHÚC CON HOÀN THÀNH TỐT BÀI LÀM CỦA MÌNH

BUTVANG.VN

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN I: Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	B	C	A	A	D	B

II. Tự luận

Bài 1. Điền dấu (> ; < ; =) thích hợp vào chỗ chấm.

$\frac{9}{14} < 1$ $\frac{15}{15} = 1$ $\frac{31}{25} > 1$

$\frac{25}{25} = 1$ $\frac{2}{5} < 1$ $\frac{7}{5} > 1$

Bài 2. Viết mỗi phép chia sau dưới dạng phân số.

a) 2 : 9 = $\frac{2}{9}$ 4 : 11 = $\frac{4}{11}$ 6 : 32 = $\frac{6}{32}$

b) 12 : 3 = $\frac{12}{3}$ 42 : 7 = $\frac{42}{7}$ 55 : 5 = $\frac{55}{5}$

Bài 3. Viết số tự nhiên sau dưới dạng phân số có mẫu bằng 1.

a) 5 = $\frac{5}{1}$ 34 = $\frac{34}{1}$ 64 = $\frac{64}{1}$

b) 46 = $\frac{46}{1}$ 100 = $\frac{100}{1}$ 87 = $\frac{87}{1}$

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $\frac{7}{9} = \frac{7 \times 5}{9 \times 5} = \frac{35}{45}$ b) $\frac{9}{11} = \frac{36}{44}$

c) $\frac{15}{18} = \frac{5}{6}$ d) $\frac{4}{7} = \frac{12}{21} = \frac{20}{35}$

Bài 5. Tìm số tự nhiên *x*, biết:

a) $\frac{x}{7} = \frac{22}{77}$ b) $\frac{8}{24} = \frac{1}{x}$

x = 2 *x* = 3

Bài 6. Tìm một phân số có tổng tử số và mẫu số bằng 15. Tử số hơn mẫu số 3 đơn vị.

Bài giải

Tử số: (15 + 3) : 2 = 9

Mẫu số: 9 – 3 = 6

Phân số đó là: $\frac{9}{6}$

BUTVANG.VN